

Số: 66/NQ-HĐND

Yên Châu, ngày 17 tháng 12 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

Về dự toán thu, chi ngân sách huyện Yên Châu năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU  
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày  
26/5/2015;

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ  
về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà  
nước năm 2021; Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài  
Chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế  
hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021 - 2023;

Thực hiện Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND  
tỉnh Sơn La quy định ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa  
phương năm 2021; Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND  
tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021.


Xét Tờ trình số 311/TTr-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện về  
việc đề nghị phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách huyện Yên Châu năm 2021;  
Báo cáo thẩm tra số 83/BC-HĐND ngày 15/12/2020 của Ban Kinh tế - Xã hội  
HĐND huyện và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, như sau:

**I. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021**

<b>1. Thu ngân sách:</b>	<b>467.829 triệu đồng</b>
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:	47.250 triệu đồng
+ Thu điều tiết ngân sách tỉnh:	1.816 triệu đồng.
+ Thu ngân sách địa phương được hưởng:	45.434 triệu đồng.

**Các khoản thu tăng so với dự toán năm 2021 tỉnh giao: 2.250 triệu đồng (Trong đó: Thu từ khu vực công thương nghiệp - NQD: 1.230 triệu đồng; **

*Kinh phí tăng thu tiền sử dụng đất: 400 triệu đồng, Thuế thu nhập cá nhân: 100 triệu đồng; Thu lệ phí trước bạ: 355 triệu đồng; Thu khác: 165 triệu đồng).*

- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh:	420.579 triệu đồng.
<b>2. Chi ngân sách địa phương:</b>	<b>466.013 triệu đồng.</b>
<b>2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản:</b>	<b>20.230 triệu đồng.</b>
- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	7.140 triệu đồng.
- Chi đầu tư XDCB tập trung:	13.090 triệu đồng.
<b>2.2. Chi thường xuyên:</b>	<b>436.688 triệu đồng.</b>
- Chi sự nghiệp kinh tế:	19.050 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp Giáo dục:	277.832 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp Văn hoá - thông tin và Thể thao, truyền thanh - truyền hình:	5.036 triệu đồng.
- Chi đảm bảo xã hội:	20.673 triệu đồng.
- Chi Quản lý hành chính:	99.186 triệu đồng.
- Chi Sự nghiệp Đào tạo (Trung tâm chính trị huyện):	1.212 triệu đồng.
- Chi quốc phòng, an ninh và ATXH:	11.139 triệu đồng.
- Chi khác ngân sách:	726 triệu đồng.
- Bổ sung chi từ tăng thu:	1.834 triệu đồng.
<b>2.3. Dự phòng ngân sách:</b>	<b>9.095 triệu đồng.</b>

*(Có Biểu số 15, 16, 17 kèm theo).*

## **II. GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021**

### **1. Thu ngân sách**

- Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thu ngân sách trên địa bàn; tăng cường đôn đốc thu nộp, truy thu số nợ đọng thuế và các khoản phải nộp khác của doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quản lý, điều hành ngân sách theo Luật và dự toán được giao. Cải cách hành chính trong lĩnh vực Tài chính - Ngân sách, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước.

- Đảm bảo nguyên tắc: Tích cực, vững chắc và sát với nguồn thu phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; tăng thu từ tiền sử dụng đất, thu triệt để các khoản thu mới phát sinh; thực hiện tốt các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa nông sản; Công tác giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu ngân sách ổn định và bền vững.

- Dự toán thu ngân sách cấp huyện giao tăng thu tối thiểu 5% so với dự toán HĐND tỉnh giao; Số tăng thu (*trừ tăng thu ngân sách huyện do phát sinh từ nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách phải nộp về ngân sách cấp trên*) và số tiết kiệm chi ngân sách so với dự toán được sử

dụng thì thực hiện theo quy định tại khoản 2, điều 59, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn thuế; quản lý chặt chẽ hoàn thuế giá trị gia tăng trong phạm vi dự toán được giao; tiếp tục đổi mới quy trình thu theo hướng đề cao trách nhiệm của người nộp thuế, triển khai có hiệu quả việc kê khai và nộp thuế điện tử, cơ quan thuế thực hiện chức năng hướng dẫn, tư vấn và hậu kiểm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật về thuế, cải cách thủ tục hành chính, đổi mới quy trình thu theo hướng đề cao trách nhiệm của các đối tượng nộp thuế, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tự khai, tự nộp qua Kho bạc nhà nước.

- Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc điều hành nhiệm vụ thu ngân sách theo tiến độ dự toán, đảm bảo sát đúng với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập trung các giải pháp tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp.

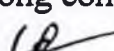
- Quản lý và khai thác tốt các nguồn thu từ đất, đẩy mạnh công tác quy hoạch, công khai quy hoạch và quản lý sau quy hoạch sử dụng đất; triển khai thực hiện tốt công tác đấu giá đất, để tăng nguồn thu ngân sách từ cấp quyền sử dụng đất cho đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Các cấp, các ngành chủ động đề ra các biện pháp nhằm quản lý chặt chẽ, tổ chức thu có hiệu quả các nguồn thu từ phí, lệ phí, thu khác ngân sách, nguồn thu trong các đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp.

## 2. Chi ngân sách

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật trong tất cả các khâu: Lập thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí ngân sách, kiểm toán ngân sách; đảm bảo nguyên tắc: Dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý tài chính - ngân sách. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán thực hiện quyền quyết định chi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định chi ngân sách của mình theo Luật ngân sách nhà nước năm 2015.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi đối với các khoản thu từ đất; thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước. Thực hiện công khai tình hình quản lý, sử dụng ngân sách của các cấp, các ngành và các đơn vị dự toán.

- Thực hiện tốt Luật kế toán và chế độ báo cáo thống kê; chấn chỉnh công tác hạch toán kế toán, quản lý hoá đơn, chứng từ của các cấp ngân sách và đơn vị dự toán. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tài chính - ngân sách, tài sản công của các cấp, các đơn vị dự toán; tăng cường công tác tự kiểm tra nhằm nâng cao trách nhiệm của chủ tài khoản các đơn vị ngân sách trong công tác quản lý, điều hành ngân sách, sử dụng tài sản, tiền vốn của Nhà nước. 

- Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, chương trình mục tiêu và vốn trái phiếu Chính phủ theo tinh thần Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước.

- Đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh (khóa XIV) về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách, Nghị quyết số 93/2019/NQ-HĐND ngày 28/02/2019 của HĐND tỉnh Sơn La về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh (khóa XIV) về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách,...; dành nguồn hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách để tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ sự nghiệp công, thực hiện các chương trình, đề án và mục tiêu phát triển ngành, lĩnh vực, thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm, sửa chữa và chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại trong từng lĩnh vực cho thường xuyên, từng bước cơ cấu lại chi NSNN;

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán công tác tài chính của các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán. Tăng cường công tác tự kiểm tra, công tác giám sát cộng đồng của nhân dân nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp ngân sách, chủ tài khoản các đơn vị dự toán trong công tác quản lý, điều hành ngân sách và thực hiện các dự án đầu tư; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các dự án sau đầu tư.

- Thực hiện tốt Nghị định 84/2006/NĐ-CP ngày 18/8/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật, phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; Kho bạc Nhà nước.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Hội đồng nhân dân huyện giao cho Ủy ban nhân dân huyện:**

- Quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị dự toán và các xã, thị trấn; tổ chức thực hiện dự toán và phân bổ dự toán ngân sách huyện Yên Châu năm 2021.

- Xây dựng kế hoạch hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phân bổ ngân sách của các xã, thị trấn theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước hiện hành.

**2. Hội đồng nhân dân huyện giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khoá XX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND, UBND tỉnh (BC);
- Đ/c Phạm Văn Thủy - TUV, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính; Sở KH-ĐT;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND huyện;
- UBMT TQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đơn vị dự toán;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Đại biểu HĐND huyện khoá XX;
- LĐ, CV VP HĐND-UBND huyện;
- Công Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH, Hương 100bản.

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thế Sang**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số: 66/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán giao năm 2021	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NSDP</b>	<b>572.705,00</b>	<b>648.036,66</b>	<b>467.829,00</b>	<b>(180.207,66)</b>	<b>72,19</b>
1	Thu ngân sách trên địa bàn	57.750,00	58.220,00	47.250,00	(10.970,00)	81,16
-	Thu từ khu vực DN địa phương	300,00	200,00	150,00	(50,00)	75,00
-	Thu từ khu vực công thương nghiệp - NQD	26.100,00	29.108,00	25.830,00	(3.278,00)	88,74
-	Thu tiền sử dụng đất	16.750,00	13.850,00	8.400,00	(5.450,00)	60,65
-	Thuế thu nhập cá nhân	2.600,00	2.523,00	2.500,00	(23,00)	99,09
-	Thu phí, lệ phí	1.500,00	1.031,00	1.200,00	169,00	116,39
-	Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	1.000,00	1.050,00	1.150,00	100,00	109,52
-	Thu lệ phí trước bạ	4.400,00	4.777,00	4.355,00	(422,00)	91,17
-	Thu cấp quyền khai thác k.sản, tài nguyên	779,00	1.827,00	200,00	(1.627,00)	10,95
-	Thu khác của ngân sách	4.321,00	3.854,00	3.465,00	(389,00)	89,91
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		-		-	-
2	Thu tiền hoàn trả CCTL năm trước còn dư	4.826,00	4.826,00	-	(4.826,00)	-
3	Thu bổ sung từ NS cấp tỉnh	510.129,00	543.701,99	420.579,00	(123.122,99)	77,35
-	Bổ sung cân đối	510.129,00	510.129,00	420.579,00	(89.550,00)	82,45
-	Các khoản bổ sung có mục tiêu và nhiệm vụ khác	-	33.572,99	-	(33.572,99)	-
3	Bổ sung tăng chi từ tăng thu		-	-	-	-
3	Các khoản thu cấp dưới nộp lên cấp trên		5.860,24		(5.860,24)	-
4	Thu kết dư năm 2019		7.179,25		(7.179,25)	-
5	Thu chuyển nguồn NS huyện năm 2019 sang		28.249,18		(28.249,18)	-
6	Các khoản hạch toán ghi chi NSNN	-	-	-	-	-
-	Thu học phí	-	-	-	-	-
7	Các khoản thu được quản lý qua NSNN			-		
<b>II</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>569.470,00</b>	<b>641.517,36</b>	<b>466.013,00</b>	<b>(118.896,31)</b>	<b>81,83</b>
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	26.748,00	25.629,05	20.230,00	(6.518,00)	75,63
-	Từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	14.237,00	13.118,05	7.140,00	(7.097,00)	50,15
-	Chi đầu tư XDCB tập trung	12.511,00	12.511,00	13.090,00	579,00	104,63
2	Tổng chi thường xuyên	440.450,00	490.790,15	436.688,00	(3.762,00)	99,15
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	15.606,00	21.818,94	19.050,00	3.444,00	122,07
2.2	Chi sự nghiệp Giáo dục	286.911,00	296.141,00	277.832,00	(9.079,00)	96,84
2.3	Chi sự nghiệp y tế, dự phòng chống dịch	-	1.150,64	-	-	-
2.4	Chi sự nghiệp văn hóa Thông tin - Thể thao, Truyền Thanh - Truyền hình	6.063,00	7.000,00	5.036,00	(1.027,00)	83,06
2.5	Chi đảm bảo xã hội	21.624,00	46.956,60	20.673,00	(951,00)	95,60
2.6	Chi quản lý hành chính	99.617,00	105.704,00	99.186,00	(431,00)	99,57
2.7	Chi SN Đào tạo (Trung tâm chính trị huyện)	1.462,00	1.502,00	1.212,00	(250,00)	82,90
2.8	Kinh phí chi quốc phòng - an ninh, ATXH	7.581,00	9.747,59	11.139,00	3.558,00	146,93
2.9	Chi khác ngân sách	586,00	769,37	726,00	140,00	123,89
2.10	Bổ sung tăng chi từ tăng thu	1.000,00	-	1.834,00	834,00	183,40
3	Thực hiện cải cách tiền lương	10.306,00	-		(10.306,00)	-

Số TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán giao năm 2021	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
<b>4</b>	<b>Chi chương trình MTQG</b>	<b>80.387,00</b>	<b>80.618,31</b>	<b>-</b>	<b>(95.826,31)</b>	<b>-</b>
4.1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	14.964,00	15.208,00	-	(15.208,00)	-
	+ Vốn đầu tư	10.673,00	10.673,00	-	(10.673,00)	
	+ Vốn sự nghiệp	4.291,00	4.535,00	-	(4.535,00)	
4.2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	65.423,00	65.410,31	-	(65.410,31)	-
	+ Vốn đầu tư	57.498,00	57.498,00	-	(57.498,00)	
	+ Vốn sự nghiệp	7.925,00	7.912,31	-	(7.912,31)	
<b>5</b>	<b>Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>2.079,00</b>	<b>6.079,00</b>	<b>-</b>	<b>(2.079,00)</b>	
-	Vốn ĐTXD	-	4.000,00	-	-	
-	Vốn sự nghiệp	2.079,00	2.079,00	-	(2.079,00)	-
+	CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững	1.912,00	1.912,00	-	(1.912,00)	-
+	CTMT phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	87,00	87,00	-	(87,00)	-
+	CTMT Trật tự ATGT...	80,00	80,00	-	(80,00)	-
<b>6</b>	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>	<b>9.500,00</b>	<b>10.291,43</b>	<b>9.095,00</b>	<b>(405,00)</b>	<b>95,74</b>
6.1	Dự phòng Ngân sách cấp huyện, thành phố	8.085,00	8.876,43	7.784,00		96,28
6.2	Dự phòng Ngân sách cấp xã, phường, thị trấn	1.415,00	1.415,00	1.311,00		92,65
<b>7</b>	<b>Chi chuyển nguồn</b>		<b>22.249,18</b>			
<b>8</b>	<b>Chi nộp lên ngân sách cấp trên, điều chỉnh</b>		<b>5.860,24</b>		<b>-</b>	

**Ghi chú:**

- Ước thực hiện năm 2020: Dự kiến Điều tiết ngân sách TW, NS tỉnh: 3.211,97 triệu đồng. Dự kiến kết dư NS 2020: 3.307,33 triệu đồng.

- Dự toán năm 2021: Điều tiết ngân sách TW, NS tỉnh: 1.816 triệu đồng.

- Đối với các chi tiêu thu ngân sách địa phương, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chi tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành.

- Tổng số thu trên địa bàn chưa bao gồm:

+ Thu học phí: 1.500 triệu đồng.

+ Thu sự nghiệp văn hóa truyền hình: 400 triệu đồng.

+ Các khoản thu đóng góp ủng hộ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

+ Số tăng thu NS năm 2020, chuyển sang năm 2021 để thực hiện CCTL năm 2021 được xác định trên cơ sở kết quả thực hiện thu ngân sách trên địa bàn huyện năm 2020 theo quy định./.

PHÓ CHỦ TỊCH  
  
 Nguyễn Thế Sang

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2021**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 66/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Yên Châu)

DVT: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán giao năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NSDP</b>	<b>648.036,66</b>	<b>648.036,66</b>	<b>467.829,00</b>	<b>467.829,00</b>	<b>72,19</b>	<b>72,19</b>
A	<b>Tổng thu cân đối NS địa phương</b>	<b>648.036,66</b>	<b>648.036,66</b>	<b>467.829,00</b>	<b>467.829,00</b>	<b>72,19</b>	<b>72,19</b>
I	<b>Thu ngân sách trên địa bàn</b>	<b>58.220,00</b>	<b>58.220,00</b>	<b>47.250,00</b>	<b>47.250,00</b>	<b>81,16</b>	<b>81,16</b>
1	Thu từ khu vực DN địa phương	200,00	200,00	150,00	150,00	75,00	75,00
2	Thu từ khu vực công thương nghiệp - NQD	29.108,00	29.108,00	25.830,00	25.830,00	88,74	88,74
3	Thu tiền sử dụng đất	13.850,00	13.850,00	8.400,00	8.400,00	60,65	60,65
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.523,00	2.523,00	2.500,00	2.500,00	99,09	99,09
5	Thu phí, lệ phí	1.031,00	1.031,00	1.200,00	1.200,00	116,39	116,39
6	Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	1.050,00	1.050,00	1.150,00	1.150,00	109,52	109,52
7	Thu lệ phí trước bạ	4.777,00	4.777,00	4.355,00	4.355,00	91,17	91,17
8	Thu cấp quyền khai thác k.sản, tài nguyên	1.827,00	1.827,00	200,00	200,00	10,95	10,95
9	Thu khác ngân sách	3.854,00	3.854,00	3.465,00	3.465,00	89,91	89,91
11	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	0,00
II	<b>Thu tiền hoàn trả CCTL năm trước còn dư</b>	<b>4.826,00</b>	<b>4.826,00</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		



Số TT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán giao năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ NS cấp tỉnh</b>	<b>543.701,99</b>	<b>543.701,99</b>	<b>420.579,00</b>	<b>420.579,00</b>	<b>77,35</b>	<b>77,35</b>
1	Bổ sung cân đối	510.129,00	510.129,00	420.579,00	420.579,00	82,45	82,45
2	Các khoản bổ sung có mục tiêu và nhiệm vụ khác	33.572,99	33.572,99	-	-		
<b>III</b>	<b>Bổ sung tăng chi từ tăng thu</b>	-	-	-	-		
<b>IV</b>	<b>Các khoản thu cấp dưới nộp lên cấp trên</b>	<b>5.860,24</b>	<b>5.860,24</b>				
<b>V</b>	<b>Thu kết dư năm 2019</b>	<b>7.179,25</b>	<b>7.179,25</b>				
<b>VI</b>	<b>Thu chuyển nguồn NS huyện năm 2019</b>	<b>28.249,18</b>	<b>28.249,18</b>				

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thế Sang**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 66/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Yên Châu)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối %
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>569.470,00</b>	<b>466.013,00</b>	<b>(103.457,00)</b>	<b>81,83</b>
<b>A</b>	<b>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>26.748,00</b>	<b>20.230,00</b>	<b>(6.518,00)</b>	<b>75,63</b>
<b>I</b>	<b>Từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất</b>	<b>14.237,00</b>	<b>7.140,00</b>	<b>(7.097,00)</b>	<b>50,15</b>
<b>II</b>	<b>Chi đầu tư XDCB tập trung</b>	<b>12.511,00</b>	<b>13.090,00</b>	<b>579,00</b>	<b>104,63</b>
<b>B</b>	<b>Tổng chi thường xuyên</b>	<b>450.756,00</b>	<b>436.688,00</b>	<b>(14.068,00)</b>	<b>96,88</b>
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>16.146,00</b>	<b>19.050,00</b>	<b>2.904,00</b>	<b>117,99</b>
1	Chi sự nghiệp nông lâm nghiệp	2.336,40	-	(2.336,40)	-
2	Chi sự nghiệp giao thông, công nghiệp	550,00	350,00	(200,00)	63,64
3	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 77/NQ-HĐND	-	-	-	
4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích	3.972,00	3.972,00	-	100,00
5	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND	280,00	-	(280,00)	-
6	KP thực hiện QĐ 490/QĐ-UBND tỉnh về mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ	500,00	-	(500,00)	-
7	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 76/2018/NQ-HĐND (Nghị quyết 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020)	1.400,00	2.500,00	1.100,00	178,57
8	Kinh phí quản lý sử dụng đất trồng lúa	-	583,00	583,00	-

Số TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối %
9	Chi sự nghiệp kinh tế khác	6.943,60	11.484,00	4.540,40	165,39
10	Kinh phí duy trì và bảo dưỡng hệ thống thoát nước đô thị	164,00	161,00	(3,00)	98,17
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục</b>	<b>293.151,00</b>	<b>277.832,00</b>	<b>(15.319,00)</b>	<b>94,77</b>
<b>III</b>	<b>Chi sự nghiệp Y tế, phòng chống dịch</b>	-	-	-	
<b>IV</b>	<b>Chi sự nghiệp Văn hóa, Thông tin - Thể thao, Truyền thanh - Truyền hình</b>	<b>6.663,00</b>	<b>5.036,00</b>	<b>(1.627,00)</b>	<b>75,58</b>
<b>V</b>	<b>Chi đảm bảo xã hội</b>	<b>22.224,00</b>	<b>20.673,00</b>	<b>(1.551,00)</b>	<b>93,02</b>
<b>VI</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>101.763,00</b>	<b>99.186,00</b>	<b>(2.577,00)</b>	<b>97,47</b>
<b>VII</b>	<b>Chi trung tâm chính trị huyện</b>	<b>1.502,00</b>	<b>1.212,00</b>	<b>(290,00)</b>	<b>80,69</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi Quốc phòng - An ninh và ATXH</b>	<b>7.581,00</b>	<b>11.139,00</b>	<b>3.558,00</b>	<b>146,93</b>
<b>IX</b>	<b>Chi khác ngân sách</b>	<b>726,00</b>	<b>726,00</b>	-	<b>100,00</b>
<b>X</b>	<b>Bổ sung tăng chi từ tăng thu</b>	<b>1.000,00</b>	<b>1.834,00</b>	<b>834,00</b>	<b>183,40</b>
1	70% để thực hiện CCTL	500,00	1.284,00	784,00	256,80
2	30 % bổ sung chi hoạt động	500,00	550,00	50,00	110,00
<b>C</b>	<b>Chi chương trình Mục tiêu Quốc gia</b>	<b>80.387,00</b>	-	<b>(80.387,00)</b>	-
<b>I</b>	<b>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (CT135)</b>	<b>14.964,00</b>	-	<b>(14.964,00)</b>	-
1	Vốn đầu tư	10.674,00	-	(10.674,00)	-
2	Vốn sự nghiệp	4.290,00	-	(4.290,00)	-

Số TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối %
<b>II</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới</b>	<b>65.423,00</b>	-	<b>(65.423,00)</b>	-
	Vốn đầu tư	57.499,00	-	(57.499,00)	
	Vốn sự nghiệp	7.924,00	-	(7.924,00)	
<b>D</b>	<b>Chương trình mục tiêu (vốn sự nghiệp)</b>	<b>2.079,00</b>	-	<b>(2.079,00)</b>	
<b>E</b>	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>	<b>9.500,00</b>	<b>9.095,00</b>	<b>(405,00)</b>	<b>95,74</b>
1	Dự phòng Ngân sách cấp huyện	8.085,00	7.784,00	(301,00)	96,28
2	Dự phòng Ngân sách cấp xã	1.415,00	1.311,00	(104,00)	92,65
<b>F</b>	<b>Các khoản hạch toán ghi chi NSNN</b>	-	-	-	

\* Ghi chú: Kinh phí thực hiện CCTL năm 2021: 5.930 triệu đồng./.

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thế Sang**